TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 185/2018/DS-PT
Ngày: 05 - 10 - 2018
V/v tranh chấp đòi quyền tài sản đối với quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc "*Tranh chấp đòi quyền tài sản đối với quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 227/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngoc A, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 2B, H, khóm 4, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 2B H, khóm 4, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2018, vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thanh S; sinh năm 1965. Nơi cư trú: Số 344/2A, N, phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2018, có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T (chết). Nơi cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nơi thường trú: Khóm 5, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

+ Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tấn H (chồng bà T). Nơi cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nơi thường trú: Khóm 5, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ H (con bà T). Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Nguyễn Thanh D (con bà T). Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Tạ Thị K (mẹ ruột bà T). Địa chỉ: số 17A, đường L, khóm 2, phường 4, thành phố C. (xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

11. Ông Nguyễn Tấn H (chồng bà T). Nơi cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nơi thường trú: Khóm 5, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ H (con bà T). Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Nguyễn Thanh D (con bà T). Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông H, chị H và anh D là: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 58C, H, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2017 và ngày 14/7/2017, có mặt).

4. Ông Nguyễn Hiền L. Địa chỉ: số 17A, đường L, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Ông Phan Đăng H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 58C, H, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2017, vắng mặt).

5. Ủy ban nhân dân thành phố C (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 77, N, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1969

7. Bà Lâm Thanh S, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông K, bà S: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 58C, H, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2018, có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Khoảng năm 2000 hoặc 2001 ông có nhờ một người chị tên H dẫn đi mua của ông L một phần đất diện tích 360m^2 thuộc thửa số 370, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại đường L, ấp T, xã L, thành phố C. Khi mua ông là người trực tiếp đứng ra giao dịch và trả tiền cho ông L (ông L là người mua đất của bà G nhưng chưa chuyển tên). Do thời điểm đó pháp luật Việt Nam không cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông có nhờ vợ

chồng người em là Nguyễn Thị T, Nguyễn Tấn H đứng tên giùm, nay ông về nước nhập quốc tịch Việt Nam và yêu cầu vợ chồng T, H làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho ông thì vợ chồng T H không đồng ý. Từ ngày nhận chuyển nhượng cho đến nay ông là người quản lý trực tiếp và có san lấp mặt bằng, làm hàng rào, cổng trên đất. Nay ông yêu cầu công nhận tài sản quyền sử dụng đất là của ông và buộc vợ chồng T, H chuyển quyền đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trường T trình bày:

Vào năm 2003 vợ chồng bà T, ông H có mua một phần đất diện tích 360m^2 thuộc thửa số 370, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại đường L, ấp T, xã L, thành phố C và được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/10/2003. Khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T có cho người em mượn thế chấp cho ngân hàng để vay tiền và đã trả xong, hiện bà T, ông H là người đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không đồng ý với yêu cầu của ông A và ông yêu cầu Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án, vì bà T đã chết nên đối tượng khởi kiện không còn, đồng thời vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, vì ông A không có quốc tịch Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan ông Nguyễn Hiền L là ông Phan Đăng H trình bày:

Ông L không có liên quan gì đến vụ án tranh chấp giữa ông A, bà T, ông H nên yêu cầu tòa án không đưa ông L vào tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan bà Tạ Thị K trình bày:

Việc tranh chấp giữa ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị T không liên quan đến bà nên bà xin không tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan ông Nguyễn Thanh K, bà Lâm Thanh S là bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Vào ngày 15/11/2017 ông Nguyễn Thanh K và bà Lâm Thanh S có nhận chuyển nhượng của hộ bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Tấn H, Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Thanh D phần đất tại thửa 370, diện tích 360m^2 , tờ bản đồ số 11 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 321482 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 30/10/2003, tọa lạc tại đường L, ấp T, xã L, thành phố C, giá chuyển nhượng 1.000.000.000 đồng, có lập hợp đồng công chứng theo quy định, tuy nhiên phần đất hiện nay ông A và hộ bà T đang tranh chấp nên bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh K và bà Lâm Thanh S theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên đã ký kết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ các Điều 05, 166, 188 Luật Đất đai; Điều 115, 123 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A. Công nhận quyền tài sản đối với quyền sử dụng đất là của ông Nguyễn Ngọc A đối với phần đất thổ cư và đất nông nghiệp thuộc thửa số 370, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại đường L, ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T ngày 30/10/2003, số Y 321482 là 360m^2, diện tích thực tế khi thẩm định còn lại là 350m^2 (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/7/2017 (BL 141, 142).

Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hộ bà Nguyễn Thị T gồm: ông Nguyễn Tấn H, chị Nguyễn Thị Mỹ H, anh Nguyễn Thanh D, bà Tạ Thị K có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai chuyển tên quyền sử dụng đất đối với phần đất có vị trí và diện tích nêu trên sang cho ông Nguyễn Ngọc A khi bản án có hiệu lực. Nếu ông H, chị H, anh D, bà K gây khó khăn không thực hiện các thủ tục trong việc chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông A thì Ủy ban nhân dân thành phố C có quyền thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 321482 của hộ bà Nguyễn Thị T và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho ông Nguyễn Ngọc A.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/12/2016 giữa hộ gia đình bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thanh D với ông Nguyễn Thanh K và bà Lâm Thanh S là vô hiệu.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc A hỗ trợ cho hộ bà T số tiền 20.000.000 đồng là khoản tiền nhờ bà T đứng tên quyền sử dụng đất giùm khi bản án có hiệu lực.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/7/2018 ông Nguyễn Trường T đại diện theo ủy quyền của ông H, bà H và ông D kháng cáo nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim N đại diện theo ủy quyền của ông K và ông S kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm.

Bị đơn tranh luận: Ông A có quốc tịch Australia nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân tỉnh; không đưa Văn phòng công chứng vào tham gia tố tụng; nguyên đơn, bị đơn, người liên quan không yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà T và ông K nhưng án sơ thẩm giải quyết là vượt quá phạm vi khởi kiện cũng như yêu cầu của các đương sự; bản án nhận định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản nhưng khi quyết định lại tuyên công nhận quyền sử dụng đất trong khi nguyên đơn khởi kiện không có nội dung công nhận quyền sử dụng đất; Án sơ thẩm áp dụng không đúng theo Án lệ số 02 phải tính giá trị tăng thêm để buộc ông A thanh toán cho bà T, do đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Bà N tranh luận: Bản án sơ thẩm không đưa Văn phòng công chứng vào tham gia tố tụng; các đương sự không ai yêu cầu hay tranh chấp hợp đồng chuyển

nhượng giữa hộ bà T với ông K, ông S. Đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến hợp đồng này.

Nguyên đơn tranh luận: Phần đất tranh chấp ông A đã quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Ông A đã được cấp chứng minh nhân dân và hộ khẩu tại Việt Nam nên ông A là người có quốc tịch Việt Nam. Ông A có đơn khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông A. Hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/12/2016 giữa hộ gia đình bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thanh D với ông Nguyễn Thanh K và bà Lâm Thanh S là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T cho rằng phần đất mà ông A đang tranh chấp với bà T là của hộ gia đình bà T mua của bà G đã được Uỷ ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T nên không đồng ý với yêu cầu trả đất của ông A, đồng thời yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do khi giải quyết bản án sơ thẩm không áp dụng Án lệ số 02 để giao lại giá trị chênh lệch cho bà T, ngoài lời trình bày này ông T không cung cấp bất cứ chứng cứ gì khác cho Tòa án. Quá trình xác minh, bà G không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T, bản án sơ thẩm nhận định rất rõ và cụ thể quá trình chuyển nhượng đất, quá trình cải tạo và sử dụng đất của ông A. Phía bị đơn không có chứng cứ nào phản bác về các vấn đề do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu do Tòa án xác minh. Do đó không có cơ sở chấp nhận lời tranh luận của phía bị đơn về việc bà T chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất ông A đang sử dụng.

[2] Đối với kháng cáo việc cấp sơ thẩm không áp dụng Án lệ số 02/2016/AL thấy rằng: Bản án sơ thẩm đã nhận định rõ quá trình chuyển nhượng, sử dụng đất của ông A, bà T là em ruột của ông A chỉ đứng tên trên quyền sử dụng đất, các thủ tục để được đứng tên trên quyền sử dụng đất cũng do ông A thực hiện và ông A cũng đã tự nguyện hỗ trợ cho bà T 20.000.000 đồng, hộ bà T cũng không đóng góp gì để nhằm tăng thêm giá trị như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[3] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau vì ông A là người nước ngoài. Xét ông A đã được cấp giấy chứng minh nhân dân và đăng ký hộ khẩu tại số 17B1, L, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Ông A có quốc tịch Việt Nam và ông A đã thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu

thường trú theo quy định tại Điều 2 và 3 Luật Cư trú. Hiện tại chưa có văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền khẳng định ông A không có quốc tịch Việt Nam cũng như chứng minh ông A không được cấp giấy chứng minh nhân dân, không đăng ký thường trú tại Việt Nam nên kháng cáo của bị đơn về phần này là không có cơ sở.

Ngoài ra theo bị đơn khẳng định ông A khởi kiện không có nội dung công nhận quyền sử dụng đất cho ông A. Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/12/2016 (BL 28) thể hiện nội dung ông A yêu cầu công nhận tài sản đang tranh chấp nên lời tranh luận của bị đơn là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm nhận định mối quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản là có căn cứ, thực tế ông A đang là người sử dụng đất nhưng chưa được giao quyền sử dụng đất do nhà nước đã giao quyền sử dụng đất cho hộ bà T, ông A thực hiện các thủ tục để cho hộ bà T đứng tên, tuy nhiên trong phần quyết định lại công nhận quyền tài sản là quyền sử dụng đất là của ông A, quyết định của bản án sơ thẩm chưa phù hợp với mối quan hệ tranh chấp nên cần sửa án điều chỉnh lại cách tuyên án cho phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của ông K và ông S: Trong vụ án này mặc dù ông K và ông S không có đơn yêu cầu độc lập để hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với hộ bà T, tuy nhiên giữa các đương sự thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 07/12/2016 khi vụ án đang tranh chấp giữa ông A và bà T, vụ án đã tiến hành hòa giải vào ngày 09/11/2016, bà T biết nhưng vẫn cố tình thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm xét thấy hợp đồng chuyển nhượng có liên quan đến vụ án Tòa án đang thụ lý giữa ông A và bà T nên mới đưa ông K và ông S vào tham gia tố tụng, phía ông K và ông S có yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà ông K, ông S và hộ gia đình bà T. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà T nên giao dịch giữa hộ bà T với ông K và ông S cũng sẽ vô hiệu, do đó không chấp nhận kháng cáo của ông K và ông S. Việc tuyên hợp đồng vô hiệu cũng không mất đi quyền và nghĩa vụ của ông K và ông S, ông K, ông S vẫn có quyền khởi kiện vụ kiện khác nếu xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị thiệt hại liên quan đến hợp đồng do Tòa án tuyên vô hiệu. Từ nhận định này, không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau và kháng cáo của ông K và ông S về việc hủy một phần bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Tấn H, chị Nguyễn Thị Mỹ H, anh Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Thanh K, bà Lâm Thanh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326 của Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H, chị Nguyễn Thị Mỹ H, anh Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Thanh K, bà Lâm Thanh S.

Sửa bản án sơ thẩm số 75/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Căn cứ các Điều 05, 166, 188 Luật Đất đai; Điều 115, 123, 166, 335, 336, 340 342 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 360m^2 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T ngày 30/10/2003, số Y 321482.

Ông Nguyễn Ngọc A được tiếp tục sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế là 350m^2 tại đường L, ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau và được quyền đăng ký kê khai để được chuyển tên quyền sử dụng đất từ hộ bà Nguyễn Thị T sang tên Nguyễn Ngọc A.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/12/2016 giữa hộ gia đình bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thanh D với ông Nguyễn Thanh K và bà Lâm Thanh S là vô hiệu.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc A hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Tấn H, chị Nguyễn Thị Mỹ H, anh Nguyễn Thanh D phải nộp 6.000.000 đồng chi phí thẩm định giá để giao lại cho ông Nguyễn Ngọc A.

Kể từ ngày ông A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, chị H, anh D chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu thêm khoản lãi suất phát sinh theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Tấn H, chị Nguyễn Thị Mỹ H, anh Nguyễn Thanh D phải nộp là 300.000 đồng, ngày 24/7/2018 ông H, chị H, anh D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001073 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu. Ông Nguyễn Thanh K, bà Lâm Thanh S phải nộp là 300.000 đồng, ngày 24/7/2018 ông K, ông S đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001072 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Thị Hải Hà